

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2010/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 23 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2009
của các huyện thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính Quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND;

Xét Tờ trình số 1900/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2009 của các huyện thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu, chi NSNN năm 2009 của các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, Hướng Hóa, Đakrông thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND như các biểu đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. UBND các huyện thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND có trách nhiệm công khai quyết toán thu, chi NSNN năm 2009 và báo cáo Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

**QUYẾT TOÁN THU- CHI NĂM 2009
HUYỆN VĨNH LINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng số	109.803.000.000	169.327.531.417	154%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	30.490.000.000	28.657.023.187	94%
* Thu nội địa	30.490.000.000	28.657.023.187	94%
Trong đó: NSDP hưởng	30.819.000.000	28.094.160.246	91%
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	13.630.000.000	9.507.098.093	70%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	110.000.000	114.324.276	104%
3. Thuế nhà đất	1.600.000.000	1.425.259.225	89%
4. Thu tiền sử dụng đất	9.200.000.000	9.596.720.400	104%
5. Thu tiền cho thuê đất	350.000.000	253.209.075	72%
6. Lệ phí trước bạ	2.650.000.000	2.787.018.235	105%
7. Thu phí, lệ phí	1.000.000.000	667.462.736	67%
- Trung ương		82.858.836	
- Tỉnh		4.420.700	
- Huyện, xã, phường	0	580.183.200	
8. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	0	0	
9. Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000.000	361.256.405	
10. Thu khác ngân sách	200.000.000	3.278.733.067	1639%
- Thu phạt, tịch thu khác		209.446.480	
- Thu bán, thanh lý tài sản		78.438.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		1.208.000.000	
- Các khoản thu đóng góp		1.617.005.587	
- Thu hồi khoản chi năm trước		44.843.000	
- Thu khác còn lại		121.000.000	

11. Thu tại xã	650.000.000	665.941.675	102%
- Thu phạt, tịch thu		96.550.000	
- Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		532.412.775	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		0	
- Thu khác		36.978.900	
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	78.984.000.000	121.450.450.000	154%
- Thu bổ sung cân đối	78.984.000.000	78.984.000.000	100%
- Thu bổ sung ngoài KH		42.466.450.000	
C. Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư		2.762.568.670	
Trong đó:			
- Kết dư ngân sách cấp huyện		351.520.549	
- Kết dư ngân sách xã		2.411.048.121	
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	14.280.922.310	
E. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	329.000.000	0	
F. Các khoản thu để lại ĐV chi QL qua NSNN		2.176.567.250	

Ghi chú:

* Tổng quyết toán gửi Sở Tài chính là: 196.513.148.581 đồng.

- Trợ cấp ngân sách huyện, thị xã cho xã, phường, thị trấn: 27.304.600.000 đồng;

- Thu từ tín phiếu, trái phiếu của ngân sách trung ương: 403.200.000 đồng nên số quyết toán báo cáo HĐND là: 169.327.531.417 đồng.

**QUYẾT TOÁN THU- CHI NĂM 2009
HUYỆN VĨNH LINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

B. PHẦN CHI

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng số	108.703.000.000	167.507.481.792	154%
A. Tổng chi cân đối NSDP	108.703.000.000	160.072.928.142	147%
I. Chi đầu tư phát triển	13.300.000.000	29.010.277.900	218%
1. Chi đầu tư XDCB	13.300.000.000	18.734.567.900	141%
Tr.đó: - Chi XDCB tập trung	4.100.000.000	9.524.535.200	232%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	9.200.000.000	6.911.025.000	75%
- Chi đầu tư XDCB khác		2.299.007.700	
2. Chi hỗ trợ nhà ở đồng bào dân tộc khó khăn (Chương trình 134)		0	
3. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM	0	10.275.710.000	
4. Chi vốn đối ứng dự án chia sẻ	0	0	
II. Chi thường xuyên	93.286.710.000	131.062.650.242	140%
1. Chi an ninh- quốc phòng	1.627.000.000	3.587.386.537	220%
- Chi an ninh	0	1.365.940.673	
- Chi quốc phòng	0	2.221.445.864	
2. Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo	51.555.100.000	59.731.519.055	116%
- Chi hỗ trợ con hộ nghèo đi học		0	
- Chi sự nghiệp Giáo dục	51.040.000.000	59.091.036.355	116%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	515.100.000	640.482.700	124%
3. Chi sự nghiệp Y tế	3.416.000.000	4.091.797.265	
4. Chi sự nghiệp Văn hóa- Thông tin	532.500.000	1.009.605.200	
5. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình	393.000.000	441.496.000	112%
6. Chi sự nghiệp Thể dục, thể thao	329.000.000	454.175.300	

7. Chi sự nghiệp Đảm bảo, xã hội	6.745.000.000	10.910.993.300	162%
8. Chi sự nghiệp Kinh tế và môi trường	2.301.000.000	19.429.154.520	844%
9. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	24.849.110.000	30.886.616.765	124%
- Chi trợ giúp pháp lý, quản lý phí Chương trình 134		0	
- Chi quản lý nhà nước		18.508.501.491	
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị		11.918.648.596	
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể		459.466.678	
10. Chi khác ngân sách	1.539.000.000	519.906.300	34%
III. Chi dự phòng ngân sách	2.116.290.000		0%
B. Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau		5.257.986.400	
C. Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước		2.176.567.250	
D. Chi nộp ngân sách cấp trên			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009
HUYỆN VĨNH LINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2009		Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT(%)	
		HĐND tỉnh giao	HĐND quyết định		QT/DT tỉnh giao	QT/DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	25.190.000.000	30.490.000.000	28.657.023.187	114%	94%
1	Thu nội địa	25.190.000.000	30.490.000.000	28.657.023.187	114%	94%
B	Thu ngân sách địa phương	103.074.000.000	108.703.000.000	168.764.668.476	164%	155%
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp	24.090.000.000	29.390.000.000	28.094.160.246	117%	96%
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	6.210.000.000	11.510.000.000	15.024.334.693	242%	131%
	- Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ %	17.880.000.000	17.880.000.000	13.069.825.553	73%	73%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	78.984.000.000	78.984.000.000	121.450.450.000	154%	154%
	- Bổ sung cân đối	78.984.000.000	78.984.000.000	78.984.000.000	100%	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án			42.466.450.000		
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư ngân sách			2.762.568.670		
4	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		329.000.000	0		
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (Bao gồm chuyển	0	0	14.280.922.310		

	nguồn làm lương)					
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			2.176.567.250		
C	Chi ngân sách địa phương	103.074.000.000	108.703.000.000	167.507.481.792	163%	154%
1	Chi đầu tư phát triển	8.100.000.000	13.300.000.000	29.010.277.900	358%	218%
2	Chi thường xuyên	91.894.000.000	93.286.710.000	131.062.650.242	143%	140%
3	Dự phòng	3.080.000.000	2.116.290.000			0%
4	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách			2.176.567.250		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			5.257.986.400		

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009
HUYỆN VĨNH LINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	104.886.800.000	161.896.028.094	154%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	25.573.800.000	23.636.567.985	92%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	10.461.800.000	12.076.952.655	115%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	15.112.000.000	11.559.615.330	76%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	78.984.000.000	121.450.450.000	154%
	- Bổ sung cân đối	78.984.000.000	78.984.000.000	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án		42.466.450.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư ngân sách		351.520.549	
4	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	329.000.000	0	
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau thực hiện cải cách tiền lương (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	14.280.922.310	
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước		2.176.567.250	
II	Chi ngân sách cấp huyện	104.886.800.000	161.830.769.503	154%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)	82.775.500.000	134.526.169.503	163%
2	Bổ sung cho ngân sách xã	22.111.300.000	27.304.600.000	123%
	- Bổ sung cân đối	22.111.300.000	22.809.520.000	103%

	- Bổ sung có mục tiêu		4.495.080.000	
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	25.927.500.000	34.173.240.382	132%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	3.816.200.000	4.457.592.261	117%
	- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	1.048.200.000	2.947.382.038	281%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.768.000.000	1.510.210.223	55%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	22.111.300.000	27.304.600.000	123%
	- Bổ sung cân đối	22.111.300.000	22.809.520.000	103%
	- Bổ sung có mục tiêu		4.495.080.000	
3	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau thực hiện cải cách tiền lương (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	0	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		2.411.048.121	
II	Chi ngân sách xã	25.927.500.000	32.981.312.289	127%

QUYẾT TOÁN THU- CHI NĂM 2009
HUYỆN GIO LINH

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng số	87.757.000.000	142.715.766.309	163%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	12.110.000.000	18.295.977.444	151%
I. Thu nội địa	12.110.000.000	18.295.977.444	151%
Trong đó: NSDP hưởng	11.610.000.000	17.467.898.261	150%
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	4.250.000.000	5.008.298.824	118%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	110.000.000	11.441.530	10%
3. Thuế nhà đất	300.000.000	577.163.700	192%
4. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0	792.000	
5. Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000	6.369.891.400	212%
6. Thu tiền cho thuê đất	1.200.000.000	1.147.215.050	96%
7. Lệ phí trước bạ	1.550.000.000	2.105.971.580	136%
8. Thu phí, lệ phí	500.000.000	946.254.016	189%
- Trung ương		75.641.325	
- Tỉnh		429.672.591	
- Huyện, xã, phường	500.000.000	440.940.100	88%
9. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	0		
10. Thuế thu nhập cá nhân	500.000.000	90.796.900	
11. Thu khác ngân sách	100.000.000	1.270.995.444	1271%
- Thu phạt, tịch thu khác		104.403.244	
- Thu bán, thanh lý tài sản		89.800.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		376.021.500	
- Các khoản thu đóng góp		578.967.000	
- Thu hồi khoản chi năm trước		71.498.700	
- Thu khác còn lại		50.305.000	
12. Thu tại xã	600.000.000	767.157.000	128%

- Thu phạt, tịch thu		47.120.000	
- Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		704.890.100	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			
- Thu khác		15.146.900	
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	75.647.000.000	117.204.722.000	155%
- Thu bổ sung cân đối	75.647.000.000	75.647.000.000	100%
- Thu bổ sung ngoài kế hoạch		41.557.722.000	
C. Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư		5.224.284.865	
Trong đó:			
- Kết dư ngân sách cấp huyện		2.341.137.476	
- Kết dư ngân sách xã		2.883.147.389	
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0		
E. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước		1.990.782.000	

Ghi chú:

* Tổng quyết toán gửi Sở Tài chính là: 177.016.461.829 đồng.

Trong đó:

- Trợ cấp NS huyện, thị xã cho xã, phường, thị trấn: 33.997.048.000 đồng;
- Thu từ tín phiếu, trái phiếu của NSTW: 303.647.520 đồng nên số quyết toán báo cáo HĐND là: 142.715.766.309 đồng.

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2009**HUYỆN GIO LINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

B. PHẦN CHI

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng số	87.257.000.000	128.147.166.170	147%
A. Tổng chi cân đối NSDP	87.257.000.000	126.156.384.170	145%
I. Chi đầu tư phát triển	6.700.000.000	19.361.110.600	289%
1. Chi đầu tư XDCB	6.700.000.000	12.570.779.000	188%
Tr.đó: - Chi XDCB tập trung	3.700.000.000	9.553.557.000	258%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	3.000.000.000	2.688.471.000	90%
- Chi công trình XDCB khác		328.751.000	
2. Chi hỗ trợ nhà ở đồng bào dân tộc khó khăn (Chương trình 134)			
3. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM	0	5.717.153.000	
4. Chi vốn đối ứng dự án chia sẻ	0	1.073.178.600	
II. Chi thường xuyên	77.796.007.000	106.795.273.570	137%
1. Chi an ninh- quốc phòng	1.525.000.000	3.035.312.000	199%
- Chi an ninh		1.123.000.000	
- Chi quốc phòng		1.912.312.000	
2. Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo	43.227.000.000	50.582.639.000	117%
- Chi hỗ trợ con hộ nghèo đi học			
- Chi sự nghiệp Giáo dục	42.826.000.000	50.165.069.000	117%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	401.000.000	417.570.000	104%
3. Chi sự nghiệp Y tế	2.990.600.000	3.405.289.000	
4. Chi sự nghiệp Văn hóa- Thông tin	505.000.000	397.335.590	
5. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình	255.000.000	386.336.000	152%
6. Chi sự nghiệp Thể dục, thể thao	269.000.000	407.875.000	

7. Chi sự nghiệp Đảm bảo, xã hội	5.113.782.000	4.667.860.000	91%
8. Chi sự nghiệp Kinh tế và môi trường	2.955.000.000	12.592.663.600	426%
9. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	20.700.625.000	31.227.322.380	151%
- Chi trợ giúp pháp lý, quản lý phí chương trình 134			
- Chi quản lý nhà nước	17.477.825.000	14.074.737.230	81%
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị	1.763.900.000	2.694.736.000	153%
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	1.015.900.000	2.113.364.000	208%
- Chi khác	443.000.000	12.344.485.150	2787%
10. Chi khác ngân sách	255.000.000	92.641.000	36%
III. Chi dự phòng ngân sách	2.760.993.000		0%
B. Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau			
C. Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước		1.990.782.000	
D. Chi nộp ngân sách cấp trên			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009
HUYỆN GIO LINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số T T	Nội dung	Dự toán năm 2009		Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT(%)	
		HĐND tỉnh giao	HĐND quyết định		QT/DT tỉnh giao	QT/DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12.110.000.000	12.110.000.000	17.661.187.544	146%	146%
1	Thu nội địa	12.110.000.000	12.110.000.000	17.661.187.544	146%	146%
B	Thu ngân sách địa phương	87.257.000.000	87.257.000.000	141.887.687.126	163%	163%
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp	11.610.000.000	11.610.000.000	17.467.898.261	150%	150%
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	5.010.000.000	5.010.000.000	9.953.973.861	199%	199%
	- Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ %	6.600.000.000	6.600.000.000	7.513.924.400	114%	114%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	75.647.000.000	75.647.000.000	117.204.722.000	155%	155%
	- Bổ sung cân đối	75.647.000.000	75.647.000.000	75.647.000.000	100%	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án			41.557.722.000		
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư ngân sách			5.224.284.865		
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	0			
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà			1.990.782.000		

	nước					
C	Chi ngân sách địa phương	87.257.000.000	87.257.000.000	128.147.166.170	147%	147%
1	Chi đầu tư phát triển	6.700.000.000	6.700.000.000	19.361.110.600	289%	289%
2	Chi thường xuyên	77.997.000.000	77.796.007.000	106.795.273.570	137%	137%
3	Dự phòng	2.560.000.000	2.760.993.000			0%
4	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách			1.990.782.000		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009
HUYỆN GIO LINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	85.757.000.000	136.569.653.945	159%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	10.110.000.000	15.033.012.469	149%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	4.400.000.000	8.236.717.207	187%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.710.000.000	6.796.295.262	119%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	75.647.000.000	117.204.722.000	155%
	- Bổ sung cân đối	75.647.000.000	75.647.000.000	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án		41.557.722.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư ngân sách		2.341.137.476	
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau thực hiện cải cách tiền lương (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)			
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước		1.990.782.000	
II	Chi ngân sách cấp huyện	85.757.000.000	127.424.267.320	149%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)	69.252.000.000	91.436.437.320	132%
2	Bổ sung cho ngân sách xã	16.505.000.000	33.997.048.000	206%
	- Bổ sung cân đối	16.505.000.000	22.902.708.000	139%
	- Bổ sung có mục tiêu		11.094.340.000	
3	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân		1.990.782.000	

	sách			
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	18.005.000.000	39.315.081.181	218%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.500.000.000	2.434.885.792	162%
	- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	1.000.000.000	1.717.256.654	172%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	500.000.000	717.629.138	144%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	16.505.000.000	33.997.048.000	206%
	- Bổ sung cân đối	16.505.000.000	22.902.708.000	139%
	- Bổ sung có mục tiêu		11.094.340.000	
3	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau t.hiện CCTL (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)		0	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		2.883.147.389	
II	Chi ngân sách xã	18.005.000.000	34.719.946.850	193%

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2009
HUYỆN TRIỆU PHONG

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP 2009	Thực hiện 2009	S. sánh (%)
Tổng số	102.304.000.000	159.760.913.637	156%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	18.090.000.000	16.898.257.729	93%
I. Thu nội địa	18.090.000.000	16.898.257.729	93%
Trong đó: NSĐP hưởng	17.440.000.000	16.638.752.222	95%
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	8.100.000.000	7.911.081.730	98%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	20.000.000	7.495.000	37%
3. Thuế nhà đất	580.000.000	571.788.792	99%
4. Thuế chuyển quyền sử dụng đất		21.853.200	
5. Thu tiền sử dụng đất	5.000.000.000	3.696.735.300	74%
6. Thu tiền cho thuê đất	40.000.000	44.912.900	112%
7. Lệ phí trước bạ	1.850.000.000	1.533.877.300	83%
8. Thu phí, lệ phí	600.000.000	558.354.600	93%
- Trung ương		85.954.700	
- Tỉnh			
- Huyện, xã, phường	600.000.000	472.399.900	79%
9. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc SHNN			
10. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	650.000.000	148.265.807	23%
11. Thu khác ngân sách	100.000.000	492.298.000	492%
- Thu phạt, tịch thu khác		234.460.000	
- Thu bán, thanh lý tài sản		157.050.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		5.390.000	
- Các khoản thu đóng góp		1.716.000	
- Thu hồi khoản chi năm trước		50.735.000	
- Thu khác còn lại		42.947.000	
12. Thu tại xã	1.150.000.000	1.911.595.100	166%

- Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		1.911.595.100	
- Thu khác			
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	84.214.000.000	129.396.202.500	154%
- Thu bổ sung cân đối	84.214.000.000	84.214.000.000	100%
- Thu bổ sung ngoài kế hoạch		45.182.202.500	
C. Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư		1.870.541.181	
Trong đó:			
- Kết dư ngân sách cấp huyện		1.039.618.860	
- Kết dư ngân sách xã		830.922.321	
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		9.555.492.000	
E. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			
Ê. Các khoản thu để lại đơn vị chỉ quản lý qua ngân sách nhà nước		2.040.420.227	

Ghi chú:

* Tổng quyết toán gửi Sở Tài chính là: 179.085.104.137 đồng.

- Trợ cấp ngân sách huyện, thị xã cho xã, phường, thị trấn: 19.074.190.500 đồng;

- Thu tín phiếu, trái phiếu của ngân sách trung ương: 250.000.000 đồng nên số quyết toán báo cáo HĐND là: 159.760.913.637 đồng.

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2009
HUYỆN TRIỆU PHONG

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

B. PHẦN CHI

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP 2009	Thực hiện 2009	So sánh (%)
Tổng số	101.654.000.000	158.206.353.954	156%
A. Tổng chi cân đối NSDP	101.654.000.000	156.165.933.727	154%
I. Chi đầu tư phát triển	12.195.000.000	20.373.998.000	167%
1. Chi đầu tư XDCB	12.195.000.000	11.127.903.000	91%
Tr.đó: - Chi XDCB tập trung	12.195.000.000	7.156.141.000	59%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	0	3.971.762.000	
- Chi công trình XDCB khác		0	
2. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM	0	9.246.095.000	
3. Chi vốn đối ứng dự án chia sẻ	0	0	
II. Chi thường xuyên	87.278.000.000	121.508.489.319	139%
1. Chi an ninh- quốc phòng	1.549.200.000	2.583.648.996	167%
- Chi an ninh	240.000.000	1.000.243.966	417%
- Chi quốc phòng	1.309.200.000	1.583.405.030	121%
2. Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo	53.003.000.000	60.069.631.000	113%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	52.212.000.000	59.353.847.000	114%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	791.000.000	715.784.000	90%
3. Chi sự nghiệp Y tế	3.044.000.000	3.507.043.208	115%
4. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	503.000.000	656.754.715	131%
5. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình	258.000.000	297.912.000	115%
6. Chi sự nghiệp Thể dục, thể thao	297.000.000	580.002.605	195%
7. Chi sự nghiệp Đảm bảo, xã hội	4.564.200.000	5.828.904.535	128%
8. Chi sự nghiệp Kinh tế và môi trường	2.748.000.000	7.765.299.381	283%
9. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	21.095.600.000	27.418.811.679	130%

- Chi quản lý nhà nước		17.439.882.567	
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị		4.741.718.579	
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể		5.237.210.533	
10. Chi khác ngân sách	216.000.000	12.800.481.200	5926%
II. Chi dự phòng ngân sách	2.181.000.000		0%
III. Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau		14.283.446.408	
B. Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước		2.040.420.227	
C. Chi nộp ngân sách cấp trên			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009
HUYỆN TRIỆU PHONG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số T T	Nội dung	Dự toán năm 2009		Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT(%)	
		HĐND tỉnh giao	HĐND quyết định		QT/D T tỉnh giao	QT/DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	16.250.000.000	18.090.000.000	16.898.257.729	104%	93%
1	Thu nội địa	16.250.000.000	18.090.000.000	16.898.257.729	104%	93%
B	Thu ngân sách địa phương	99.814.000.000	101.654.000.000	159.501.408.130	160%	157%
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	15.600.000.000	17.440.000.000	16.638.752.222	107%	95%
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	5.392.000.000	7.152.000.000	6.640.635.830	123%	93%
	- Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	10.208.000.000	10.288.000.000	9.998.116.392	98%	97%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	84.214.000.000	84.214.000.000	129.396.202.500	154%	154%
	- Bổ sung cân đối	84.214.000.000	84.214.000.000	84.214.000.000	100%	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án			45.182.202.500		
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết đur ngân sách			1.870.541.181		
4	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			0	0	
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (Bao gồm chuyển nguồn làm	0	0	9.555.492.000		

	lượng)					
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			2.040.420.227		
C	Chi ngân sách địa phương	99.814.000.000	101.654.000.000	158.206.353.954	159%	156%
1	Chi đầu tư phát triển	10.695.000.000	12.195.000.000	20.373.998.000	191%	167%
2	Chi thường xuyên	86.329.000.000	87.278.000.000	121.508.489.319		139%
3	Dự phòng	2.790.000.000	2.181.000.000			0%
4	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách			2.040.420.227		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			14.283.446.408		

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009
HUYỆN TRIỆU PHONG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	99.164.000.000	155.443.330.824	157%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	14.950.000.000	13.411.597.237	90%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	5.902.000.000	4.193.501.430	71%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	9.048.000.000	9.218.095.807	102%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	84.214.000.000	129.396.202.500	154%
	- Bổ sung cân đối	84.214.000.000	84.214.000.000	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án		45.182.202.500	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư ngân sách		1.039.618.860	
4	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau thực hiện cải cách tiền lương (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	9.555.492.000	
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước		2.040.420.227	
II	Chi ngân sách cấp huyện	99.164.000.000	155.007.785.559	156%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp	85.174.000.000	135.933.595.059	160%
	(Không kê bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)			
2	Bổ sung cho ngân sách xã	13.990.000.000	19.074.190.500	136%
	- Bổ sung cân đối	13.990.000.000	13.990.000.000	100%

	- Bổ sung có mục tiêu		5.084.190.500	
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	16.480.000.000	23.132.267.806	140%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	2.490.000.000	3.227.154.985	130%
	- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	1.250.000.000	2.447.134.400	196%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.240.000.000	780.020.585	63%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	13.990.000.000	19.074.190.500	136%
	- Bổ sung cân đối	13.990.000.000	13.990.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		5.084.190.500	
3	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau thực hiện cải cách tiền lương (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	0	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		830.922.321	
II	Chi ngân sách xã	16.480.000.000	22.272.758.895	135%

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2009
HUYỆN HẢI LĂNG

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
Tổng số	105.137.000.000	171.635.804.208	163%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	26.845.000.000	23.446.040.818	87%
I. Thu nội địa	26.845.000.000	23.446.040.818	87%
Trong đó: NSDP hưởng	26.345.000.000	23.053.600.636	88%
1. Thu từ khu vực công thương nghiệp – ngoài quốc doanh	5.020.000.000	3.750.880.676	75%
- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp	4.640.000.000	3.312.274.357	71%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	20.000.000	38.155.000	191%
- Thuế tài nguyên		6.400.000	
- Thuế môn bài	310.000.000	369.552.000	119%
- Thu khác	50.000.000	24.499.319	49%
2. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	500.000.000	147.973.382	30%
3. Thuế chuyển quyền sử dụng đất		5.962.000	
4. Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng	17.000.000.000	15.497.353.000	91%
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	110.000.000	129.903.260	118%
6. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	120.000.000	36.866.000	31%
7. Lệ phí trước bạ	1.650.000.000	1.312.549.100	80%
8. Thuế nhà đất	500.000.000	524.540.200	105%
9. Thu phí, lệ phí	650.000.000	755.781.800	116%
- Thu phí, lệ phí Trung ương		49.991.800	
- Thu phí, lệ phí tỉnh		6.801.000	
- Thu phí, lệ phí huyện, xã	650.000.000	698.989.000	108%
+ Thu phí, lệ phí huyện	20.800.000	23.980.000	115%

+ Thu phí, lệ phí xã	629.200.000	675.009.000	107%
10. Thu tiền bán và thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
11. Thu sự nghiệp (Không kể thu tại xã)			
12. Thu khác ngân sách	300.000.000	244.047.000	81%
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Tỉnh, huyện)			
- Thu phạt, tịch thu khác		69.833.000	
- Thu bán hàng, thanh lý tài sản		800.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			
- Thu các khoản huy động đóng góp		50.400.000	
- Thu hồi khoản chi năm trước		8.014.000	
- Thu khác còn lại		115.000.000	
13. Thu tại xã	995.000.000	1.040.184.400	105%
- Thu sự nghiệp do xã quản lý			
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Xã)		663.165.400	
- Thu phạt, tịch thu khác (Xã)		4.900.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		61.500.000	
- Thu hồi khoản chi năm trước (Xã)			
- Thu khác còn lại		310.619.000	
II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu			
III. Thu viện trợ (Không kể viện trợ về cho vay lại)			
B. Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước		20.361.224.890	
C. Thu chuyển nguồn			
D. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	78.292.000.000	127.828.538.500	163%
1. Thu bổ sung cân đối	78.292.000.000	78.292.000.000	100%
2. Thu bổ sung ngoài kế hoạch		49.536.538.500	
E. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			
F. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2009
HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

B. PHẦN CHI

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG CHI	Dự toán ĐP năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh TH/DT (%)
Tổng chi ngân sách địa phương quản lý	104.637.000.000	149.594.752.089	143%
A. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	104.637.000.000	149.594.752.089	143%
I. Chi đầu tư phát triển	21.100.000.000	29.684.126.500	141%
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	21.100.000.000	29.684.126.500	141%
Trong đó:	-		
- Chi đầu tư XDCCB tập trung	4.100.000.000	13.790.290.000	336%
- Chi từ nguồn thu tiền đầu giá đất	17.000.000.000	3.732.500.000	22%
- Chi thực hiện CT KCHKM cấp 2 và BTHGTNT		12.161.336.500	
- Chi xây dựng nhà ở giáo viên vùng khó			
Trong đó: Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2. Chi thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác			
II. Chi thường xuyên	80.852.000.000	119.910.625.589	148%
1. Chi trợ giá (Có cả mặt hàng cho không)			
2. Chi sự nghiệp Kinh tế và môi trường	2.294.000.000	23.126.630.500	1008%
3. Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo và Dạy nghề	46.117.000.000	52.300.051.976	113%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	45.621.000.000	51.682.143.976	113%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	496.000.000	617.908.000	125%
4. Chi sự nghiệp Y tế	2.940.660.000	3.435.259.100	117%
5. Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ			
6. Chi sự nghiệp Văn hóa- Thông tin	680.000.000	989.448.200	146%
7. Chi sự nghiệp Phát thanh- Truyền hình	289.200.000	700.602.000	242%
8. Chi sự nghiệp Thể dục- Thể thao	296.000.000	621.248.000	210%

9. Chi Bảo đảm xã hội	5.279.195.000	9.893.492.900	187%
10. Chi Quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	21.292.945.000	27.006.288.813	127%
- Chi quản lý nhà nước	17.576.039.000	17.986.407.792	102%
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị	2.007.023.000	4.199.955.886	209%
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	1.409.463.000	4.496.101.715	319%
- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội	300.420.000	323.823.420	108%
- Hỗ trợ khác			
11. Chi quốc phòng- an ninh	1.446.000.000	1.523.558.100	105%
- Chi quốc phòng	1.147.400.000	1.101.960.400	96%
- Chi an ninh	298.600.000	421.597.700	141%
12. Chi khác ngân sách	217.000.000	314.046.000	145%
III. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương			
III. Dự phòng ngân sách	2.685.000.000		
B. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			
C. Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009
HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2009		Quyết toán năm 2009	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	UBND huyện quyết định		QT/DT tỉnh giao	QT/DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12.850.000.000	26.845.000.000	23.446.040.818	151%	143%
1	Thu nội địa (Không kể thu từ dầu thô)	12.850.000.000	26.845.000.000	23.446.040.818	151%	143%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
3	Thu viện trợ không hoàn lại					
B	Thu ngân sách huyện	90.642.000.000	104.637.000.000	171.243.364.026	202%	202%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	12.350.000.000	26.345.000.000	23.053.600.636	142%	135%
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	5.180.000.000	19.175.000.000	17.459.668.660	172%	153%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	7.170.000.000	7.170.000.000	5.593.931.976	118%	118%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	78.292.000.000	78.292.000.000	127.828.538.500	179%	179%
	- Bổ sung cân	78.292.000.000	78.292.000.000	78.292.000.000	100%	100%

	đổi					
	- Bổ sung có mục tiêu			49.536.538.500		
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước					
4	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước			20.361.224.890		
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					
C	Chi ngân sách huyện	90.642.000.000	104.637.000.000	149.594.752.089	189%	189%
1	Chi đầu tư phát triển	7.600.000.000	21.100.000.000	29.684.126.500	740%	716%
2	Chi thường xuyên	80.357.000.000	80.852.000.000	119.910.625.589	147%	146%
3	Dự phòng	2.685.000.000	2.685.000.000		147%	146%
4	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương					
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
6	Ghi chi viện trợ					
7	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009
HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	Ngân sách cấp huyện			-
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	91.671.250.000	162.109.248.107	202%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	13.379.250.000	20.335.596.966	145%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	7.440.800.000	15.614.572.000	174%
	- Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.938.450.000	4.721.024.966	123%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	78.292.000.000	127.828.538.500	179%
	- Bổ sung cân đối	78.292.000.000	78.292.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		49.536.538.500	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước		13.945.112.641	
4	Thu viện trợ không hoàn lại			
5	Thu chuyển nguồn			
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
II	Chi ngân sách cấp huyện	91.671.250.000	152.132.809.826	189%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	77.650.000.000	124.348.539.826	205%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	14.021.250.000	27.784.270.000	125%
	- Bổ sung cân đối	14.021.250.000	14.021.250.000	108%

	- Bổ sung có mục tiêu		13.763.020.000	
B	Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện		-	
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	26.987.000.000	36.918.385.919	129%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	12.965.750.000	2.718.003.670	103%
	- Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%	11.734.200.000	1.845.096.660	106%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách cấp xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.231.550.000	872.907.010	98%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	14.021.250.000	27.784.270.000	125%
	- Bổ sung cân đối	14.021.250.000	14.021.250.000	108%
	- Bổ sung có mục tiêu		13.763.020.000	
3	Thu chuyên nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước		6.416.112.249	
4	Thu chuyên nguồn			
5	Các khoản thu để lại để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách			
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	26.987.000.000	25.246.212.263	126%

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2009**HUYỆN CAM LỘ**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng số	64.601.000.000	98.263.336.212	152%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	10.970.000.000	12.905.743.279	118%
I. Thu nội địa	10.970.000.000	12.905.743.279	118%
Trong đó: NSĐP hưởng	10.570.000.000	12.494.789.259	118%
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	3.150.000.000	2.396.359.621	76%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	110.000.000	120.473.700	110%
3. Thuế nhà đất	500.000.000	573.316.878	115%
4. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0	6.920.400	
5. Thu tiền sử dụng đất	4.500.000.000	6.475.669.500	144%
6. Thu tiền cho thuê đất	160.000.000	119.265.620	75%
7. Lệ phí trước bạ	1.600.000.000	1.571.653.650	98%
8. Thu phí, lệ phí	300.000.000	310.440.727	103%
- Trung ương	0	137.406.677	
- Tỉnh	30.000.000	4.386.000	
- Huyện, xã, phường	270.000.000	168.648.050	
9. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc SHNN	0	0	
10. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	400.000.000	250.765.143	
11. Thu khác ngân sách	50.000.000	472.110.400	944%
- Thu phạt, tịch thu khác		61.495.000	
- Thu bán, thanh lý tài sản		226.449.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		87.713.000	
- Các khoản thu đóng góp			
- Thu hồi khoản chi năm trước		19.790.400	
- Thu sự nghiệp		0	

- Thu khác của ngành thuế			
- Thu khác còn lại	50.000.000	76.663.000	
12. Thu tại xã	200.000.000	608.767.640	304%
- Thu sự nghiệp		0	
- Thu phạt, tịch thu		18.260.000	
- Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		446.041.640	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		144.466.000	
- Thu hồi khoản chi năm trước		0	
- Thu khác			
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	52.151.000.000	68.229.393.500	131%
- Thu bổ sung cân đối	52.151.000.000	52.151.000.000	100%
- Thu bổ sung ngoài kế hoạch		16.078.393.500	
C. Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư	530.000.000	7.635.245.332	
Trong đó:			
- Kết dư ngân sách cấp huyện			
- Kết dư ngân sách xã			
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		8.484.821.932	
E. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			
F. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước	950.000.000	1.008.132.169	106%

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2009**HUYỆN CAM LỘ**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

B. PHẦN CHI

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng số	64.201.000.000	92.297.055.641	144%
A. Tổng chi cân đối NSDP	63.251.000.000	91.288.923.472	144%
I. Chi đầu tư phát triển	8.150.000.000	15.984.095.800	196%
1. Chi đầu tư XDCB	8.150.000.000	10.758.501.400	132%
Tr.đó: - Chi XDCB tập trung	3.650.000.000	5.304.587.400	145%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	4.500.000.000	5.453.914.000	121%
- Chi công trình XDCB khác			
2. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM		3.115.817.800	
3. Chi khắc phục hậu quả thiên tai		1.989.276.600	
4. Chi đầu tư từ nguồn vốn khác		120.500.000	
II. Chi thường xuyên	53.319.000.000	66.131.568.272	124%
1. Chi an ninh- quốc phòng	847.000.000	1.905.837.365	225%
- Chi an ninh	105.000.000	668.897.799	637%
- Chi quốc phòng	742.000.000	1.236.939.566	167%
2. Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo	31.884.000.000	36.398.556.000	114%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	31.396.000.000	35.714.118.000	114%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề	488.000.000	684.438.000	140%
3. Chi sự nghiệp Y tế	1.606.000.000	1.854.103.850	115%
4. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	823.000.000	725.166.000	88%
5. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình	215.000.000	238.480.000	111%
6. Chi sự nghiệp Thể dục, thể thao	0	230.003.300	
7. Chi sự nghiệp Đảm bảo, xã hội	2.891.000.000	2.538.578.400	88%
8. Chi sự nghiệp Kinh tế và môi trường	2.200.000.000	3.778.893.355	172%

9. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	12.757.000.000	16.953.453.709	133%
- Chi quản lý nhà nước		11.091.723.167	
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị		4.635.491.542	
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể		132.320.000	
- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội		1.093.919.000	
10. Chi khác ngân sách	96.000.000	1.508.496.293	
III. Chi dự phòng ngân sách	1.782.000.000		
IV. Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau	0	9.173.259.400	
B. Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước	950.000.000	1.008.132.169	106%
C. Chi nộp ngân sách cấp trên			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2009
HUYỆN CAM LỘ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/ĐT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn (1)	10.970.000.000	12.905.743.279	118%
1	Thu nội địa (Không kể thu từ dầu thô)	10.970.000.000	12.905.743.279	118%
2	Thu từ dầu thô			
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu			
4	Thu viện trợ không hoàn lại			
B	Thu ngân sách huyện	64.201.000.000	97.852.382.192	152%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	10.570.000.000	12.494.789.259	118%
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	10.570.000.000	12.494.789.259	118%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)			
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	52.151.000.000	68.229.393.500	131%
	- Bổ sung cân đối	52.151.000.000	52.151.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		16.078.393.500	
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật ngân sách nhà nước			
	Trong đó: Vốn XD CB ngoài nước			
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	0	8.484.821.932	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	530.000.000	7.635.245.332	
6	Các khoản thu để lại quản lý qua NSNN	950.000.000	1.008.132.169	
C	Chi ngân sách huyện	64.201.000.000	92.297.055.641	144%
1	Chi đầu tư phát triển	8.150.000.000	15.984.095.800	196%
2	Chi thường xuyên	53.319.000.000	66.131.568.272	124%
3	Dự phòng	1.782.000.000		0%
4	Các khoản chi bằng nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách	950.000.000	1.008.132.169	106%
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		9.173.259.400	

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009
HUYỆN CAM LỘ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Ước thực hiện năm hiện hành	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	B	1		2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện				
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	62.311.800.000		94.365.115.213	151%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	8.680.800.000		10.596.363.470	122%
	Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	4.710.000.000		7.009.903.338	149%
	Các khoản thu phân chia ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.970.800.000		3.586.460.132	90%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	52.151.000.000		68.229.393.500	131%
	- Bổ sung cân đối	52.151.000.000		52.151.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			16.078.393.500	
	Trong đó: Vốn XDCCB ngoài nước				
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			8.484.821.932	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	530.000.000		6.046.404.142	1141%
5	Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước	950.000.000		1.008.132.169	106%
II	Chi ngân sách cấp huyện	62.311.800.000		90.329.511.607	145%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	56.000.000.000		79.757.807.807	142%
2	Bổ sung cho ngân sách xã,	6.311.800.000		10.571.703.800	167%

	phường, thị trấn				
	- Bổ sung cân đối	6.311.800.000		6.311.800.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			4.259.903.800	
	Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước				
B	Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện				
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	8.201.000.000		14.058.970.779	171%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.889.200.000		1.898.425.789	100%
	Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	610.000.000		963.379.740	158%
	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.279.200.000		935.046.049	73%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	6.311.800.000		10.571.703.800	167%
	- Bổ sung cân đối	6.311.800.000		6.311.800.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu	-		4.259.903.800	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước	-		1.588.841.190	
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	8.201.000.000		12.539.247.834	153%

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2009
HUYỆN HUỠNG HÓA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh
Tổng số	113.695.000.000	168.580.875.232	148%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	20.023.000.000	26.565.324.024	133%
I. Thu nội địa	20.023.000.000	26.565.324.024	133%
Trong đó: NSĐP hưởng	19.323.000.000	25.235.426.941	131%
1. Thuế công thương nghiệp (NQD)	10.091.000.000	12.605.259.054	125%
2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100.000.000	77.756.220	78%
3. Thuế nhà đất	948.000.000	667.645.420	70%
4. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0	49.751.000	
5. Thu tiền sử dụng đất	3.500.000.000	2.932.762.500	84%
6. Thu tiền cho thuê đất	314.000.000	32.473.904	10%
7. Lệ phí trước bạ	3.000.000.000	4.774.465.200	159%
8. Thu phí, lệ phí	673.000.000	715.820.205	106%
- Trung ương		284.597.355	
- Tỉnh		15.028.200	
- Huyện, xã, phường	673.000.000	416.194.650	62%
9. Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc SHNN	0	0	
10. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	700.000.000	456.248.183	
11. Thu khác ngân sách	150.000.000	4.198.769.338	2799%
- Thu phạt, tịch thu khác		457.924.388	
- Thu bán, thanh lý tài sản		95.850.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		1.988.976.000	
- Các khoản thu đóng góp		27.950.000	
- Thu hồi khoản chi năm trước		112.814.950	
- Thu khác còn lại		1.515.254.000	

12. Thu tại xã	547.000.000	54.373.000	10%
- Thu phạt, tịch thu		11.885.000	
- Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		42.488.000	
- Thu khác		0	
B. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	93.672.000.000	132.344.798.500	141%
- Thu bổ sung cân đối	93.672.000.000	93.672.000.000	100%
- Thu bổ sung ngoài kế hoạch		38.672.798.500	
C. Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư		6.314.762.708	
Trong đó:			
- Kết dư ngân sách cấp huyện		3.886.846.441	
- Kết dư ngân sách xã		2.427.916.267	
D. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)		3.355.990.000	

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2009
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

B. PHẦN CHI

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng số	112.995.000.000	161.198.281.640	143%
A. Tổng chi cân đối NSDP	112.995.000.000	155.691.771.003	138%
I. Chi đầu tư phát triển	8.935.000.000	21.883.068.000	245%
1. Chi đầu tư XDCB	8.935.000.000	10.223.915.000	114%
Tr.đó: - Chi XDCB tập trung	4.935.000.000	8.256.858.000	167%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	3.500.000.000	1.467.057.000	
- Chi xây dựng nhà ở giáo viên vùng khó	500.000.000	500.000.000	
2. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM		4.277.000.000	
3. Vốn Biên giới (Theo QĐ 160)		2.435.283.000	
4. Chi hỗ trợ xây dựng nhà ở- từ nguồn xổ số kiến thiết		0	
5. Chi đầu tư khác còn lại	0	4.946.870.000	
II. Chi thường xuyên	102.144.000.000	133.808.703.003	131%
1. Chi an ninh- quốc phòng	2.856.000.000	3.521.490.272	123%
- Chi an ninh	406.000.000	986.422.027	
- Chi quốc phòng	2.450.000.000	2.535.068.245	
2. Chi sự nghiệp Giáo dục- đào tạo	61.273.000.000	71.846.703.080	117%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	60.824.000.000	70.819.297.950	116%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề	449.000.000	1.027.405.130	229%
- Chi hỗ trợ con hộ nghèo đi học (CT 135)			
3. Chi sự nghiệp Y tế	4.438.600.000	5.253.146.180	
4. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	787.000.000	1.365.842.000	
5. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình	731.000.000	949.721.000	130%
6. Chi sự nghiệp Thể dục, thể thao	353.000.000	717.299.800	
7. Chi sự nghiệp Đảm bảo, xã hội	3.312.000.000	3.212.422.001	97%
8. Chi sự nghiệp Kinh tế và môi trường	3.036.000.000	5.913.211.600	195%

9. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	25.144.400.000	40.744.124.739	162%
- Chi trợ giúp pháp lý. quản lý phí CT 134			
- Chi quản lý nhà nước		28.586.495.034	
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị		4.812.561.219	
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể		7.345.068.486	
10. Chi khác ngân sách	213.000.000	284.742.331	134%
III Chi dự phòng ngân sách	1.916.000.000		0%
B. Chi chuyển nguồn NS năm sau		5.506.510.637	
C. Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước			0

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số T T	Nội dung	Dự toán năm 2009		Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT(%)	
		HĐND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định		QT/DT tỉnh giao	QT/DT HĐND QĐ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	18.720.000.000	20.023.000.000	26.565.324.024	142%	133%
1	Thu nội địa	18.720.000.000	20.023.000.000	26.565.324.024	142%	133%
B	Thu ngân sách địa phương	111.692.000.000	112.995.000.000	167.250.978.149	150%	148%
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp	18.020.000.000	19.323.000.000	25.235.426.941	140%	131%
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	4.870.000.000	5.284.000.000	7.140.056.267	147%	135%
	- Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ %	13.150.000.000	14.039.000.000	18.095.370.674	138%	129%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	93.672.000.000	93.672.000.000	132.344.798.500	141%	141%
	- Bổ sung cân đối	93.672.000.000	93.672.000.000	93.672.000.000	100%	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án			38.672.798.500		
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư ngân sách			6.314.762.708		
4	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		0	0		
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (Bao gồm chuyển nguồn làm	0	0	3.355.990.000		

	lượng)					
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			0		
C	Chi ngân sách địa phương	111.692.000.000	112.995.000.000	161.198.281.640	144%	143%
1	Chi đầu tư phát triển	7.605.000.000	8.935.000.000	21.883.068.000	288%	245%
2	Chi thường xuyên	100.874.000.000	102.144.000.000	133.808.703.003		131%
3	Dự phòng	3.213.000.000	1.916.000.000			0%
4	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách			0		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			5.506.510.637		

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	111.192.000.000	163.112.405.978	147%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	17.520.000.000	23.824.771.037	136%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	4.737.000.000	6.780.783.047	143%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.783.000.000	17.043.987.990	133%
2	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	93.672.000.000	132.344.798.500	141%
	- Bổ sung cân đối	93.672.000.000	93.672.000.000	100%
	- Bổ sung CT, MT, dự án		38.672.798.500	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư ngân sách		3.886.846.441	
4	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau thực hiện cải cách tiền lương (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	3.055.990.000	
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước		0	
II	Chi ngân sách cấp huyện	111.192.000.000	161.657.025.630	145%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp	89.571.000.000	124.424.150.296	139%
	(Không kể bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)			
2	Bổ sung cho ngân sách xã	21.621.000.000	37.232.875.334	172%

	- Bổ sung cân đối	21.621.000.000	32.320.385.334	149%
	- Bổ sung có mục tiêu		4.912.490.000	
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	23.424.000.000	41.371.447.505	177%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.803.000.000	1.410.655.904	78%
	- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	547.000.000	359.273.220	66%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.256.000.000	1.051.382.684	84%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	21.621.000.000	37.232.875.334	172%
	- Bổ sung cân đối	21.621.000.000	32.320.385.334	149%
	- Bổ sung có mục tiêu		4.912.490.000	
3	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau thực hiện CCTL (Bao gồm chuyển nguồn làm lương)	0	300.000.000	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		2.427.916.267	
II	Chi ngân sách xã	23.424.000.000	36.774.131.344	157%

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2009
HUYỆN ĐAKRÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/D T(%)
Tổng số	67.381.000.000	108.934.278.402	162%
A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	2.550.000.000	7.825.329.198	307%
I. Thu nội địa	2.550.000.000	7.825.329.198	307%
Trong đó: NSDP hưởng	2.400.000.000	7.701.239.790	321%
1. Thu từ khu vực công thương nghiệp- ngoài quốc doanh	1.100.000.000	950.483.387	86%
- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp	991.000.000	802.312.074	81%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước			
- Thuế tài nguyên	7.000.000	12.715.500	182%
- Thuế môn bài	102.000.000	105.450.000	103%
- Thu khác		30.005.813	
2. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	150.000.000	43.021.997	29%
3. Thuế chuyển quyền sử dụng đất		5.853.600	
4. Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng	200.000.000	251.923.100	126%
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100.000.000		0%
6. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		10.526.500	
7. Lệ phí trước bạ	400.000.000	358.322.080	90%
8. Thuế nhà đất	50.000.000	55.428.760	111%
9. Thu phí, lệ phí	300.000.000	505.595.529	169%
- Thu phí, lệ phí Trung ương		31.670.529	
- Thu phí, lệ phí tỉnh			
- Thu phí, lệ phí huyện, xã		473.925.000	
+ Thu phí, lệ phí huyện		29.137.000	

+ Thu phí, lệ phí xã		444.788.000	
10. Thu tiền bán và thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	150.000.000	1.200.000	1%
11. Thu sự nghiệp (Không kể thu tại xã)			
12. Thu khác ngân sách	50.000.000	5.620.076.740	11240 %
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Tỉnh, huyện)			
- Thu phạt, tịch thu khác		13.550.000	
- Thu bán hàng, thanh lý tài sản			
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		216.227.000	
- Thu các khoản huy động đóng góp		5.149.096.558	
- Thu hồi khoản chi năm trước		241.203.182	
- Thu khác còn lại			
13. Thu tại xã	50.000.000	22.897.505	46%
- Thu sự nghiệp do xã quản lý			
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Xã)			
- Thu phạt, tịch thu khác (Xã)		8.360.000	
- Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			
- Thu hồi khoản chi năm trước (Xã)		3.167.505	
- Thu khác còn lại		11.370.000	
II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu			
B. Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước		6.595.194.204	
C. Thu chuyển nguồn		1.685.271.000	
D. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	64.831.000.000	92.828.484.000	143%
1. Thu bổ sung cân đối	64.831.000.000	64.831.000.000	100%
2. Thu bổ sung ngoài kế hoạch		27.997.484.000	
E. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2009
HUYỆN ĐAKRÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

B. PHẦN CHI

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG CHI	Dự toán ĐP năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh TH/DT (%)
Tổng chi ngân sách địa phương quản lý	67.231.000.000	99.590.713.978	148%
A. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	67.231.000.000	99.590.713.978	148%
I. Chi đầu tư phát triển	3.700.000.000	17.555.648.652	474%
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3.700.000.000	3.682.570.000	100%
Trong đó:			
- Chi đầu tư XD CB tập trung	3.200.000.000	3.188.989.000	100%
- Chi từ nguồn thu tiền đấu giá đất			
- Chi thực hiện CT KCHKM cấp 2 và BTHGTNT			
- Chi xây dựng nhà ở giáo viên vùng khó	500.000.000	493.581.000	99%
Trong đó: Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2. Chi thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác		13.873.078.652	
II. Chi thường xuyên	61.803.000.000	82.035.065.326	133%
1. Chi trợ giá (Có cả mặt hàng cho không)			
2. Chi sự nghiệp Kinh tế và môi trường	1.906.000.000	1.927.754.000	101%
3. Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	35.028.000.000	40.213.661.728	115%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	34.487.000.000	39.733.956.728	115%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	541.000.000	479.705.000	89%
4. Chi sự nghiệp Y tế	2.410.000.000	2.879.536.333	119%
5. Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ			
6. Chi sự nghiệp Văn hóa- Thông tin	473.000.000	610.138.500	129%
7. Chi sự nghiệp Phát thanh- Truyền hình	674.000.000	727.212.000	108%
8. Chi sự nghiệp Thể dục- Thể thao	256.000.000	305.242.500	119%
9. Chi bảo đảm xã hội	2.189.000.000	3.000.291.300	137%

10. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	16.254.000.000	24.226.974.846	149%
- Chi quản lý nhà nước		16.525.485.718	
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị		7.255.485.628	
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể			
- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội		211.803.500	
- Hỗ trợ khác		234.200.000	
11. Chi quốc phòng - an ninh	2.460.000.000	3.975.893.466	162%
- Chi quốc phòng	1.126.000.000	3.388.402.866	301%
- Chi an ninh	1.334.000.000	587.490.600	44%
12. Chi khác ngân sách	153.000.000	4.168.360.653	2724%
III. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	350.000.000		
IV. Dự phòng ngân sách	1.378.000.000		
B. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			
C. Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009
HUYỆN ĐAKRÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2009		Quyết toán năm 2008	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	HĐND quyết định		QT/DT tỉnh giao	QT/DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.200.000.000	2.550.000.000	7.825.329.198	151%	143%
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	2.200.000.000	2.550.000.000	7.825.329.198	151%	143%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
3	Thu viện trợ không hoàn lại					
B	Thu ngân sách huyện	66.881.000.000	67.231.000.000	108.810.188.994	202%	202%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	2.050.000.000	2.400.000.000	7.701.239.790	142%	135%
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	500.000.000	850.000.000	6.331.151.963	172%	153%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.550.000.000	1.550.000.000	1.370.087.827	118%	118%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	64.831.000.000	64.831.000.000	92.828.484.000	179%	179%
	- Bổ sung cân đối	64.831.000.000	64.831.000.000	64.831.000.000	100%	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			27.997.484.000		
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			1.685.271.000		
4	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước			6.595.194.204		

5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					
C	Chi ngân sách huyện	66.881.000.000	67.231.000.000	99.590.713.978	189%	189%
1	Chi đầu tư phát triển	3.700.000.000	3.700.000.000	17.555.648.652	740%	716%
2	Chi thường xuyên	61.268.000.000	61.803.000.000	82.035.065.326	147%	146%
3	Dự phòng	1.913.000.000	1.378.000.000		147%	146%
4	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương		350.000.000			
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
6	Ghi chi viện trợ					
7	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009
HUYỆN ĐAKRÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	Ngân sách cấp huyện			-
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	66.580.000.000	107.913.278.209	202%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	1.749.000.000	7.067.603.269	145%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	521.700.000	5.863.466.458	174%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.227.300.000	1.204.136.811	123%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	64.831.000.000	92.828.484.000	179%
	- Bổ sung cân đối	64.831.000.000	64.831.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		27.997.484.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước		6.331.919.940	
4	Thu viện trợ không hoàn lại			
5	Thu chuyển nguồn		1.685.271.000	
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			
II	Chi ngân sách cấp huyện	66.580.000.000	98.901.593.052	189%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	54.255.000.000	81.271.147.052	205%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	12.325.000.000	17.630.446.000	125%
	- Bổ sung cân đối	12.325.000.000	12.325.000.000	108%
	- Bổ sung có mục tiêu		5.305.446.000	
B	Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc	-		

	huyện			
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	12.976.000.000	18.527.356.785	129%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	651.000.000	633.636.521	103%
	- Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%	328.300.000	467.685.505	106%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách cấp xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	322.700.000	165.951.016	98%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	12.325.000.000	17.630.446.000	125%
	- Bổ sung cân đối	12.325.000.000	12.325.000.000	108%
	- Bổ sung có mục tiêu		5.305.446.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước		263.274.264	
4	Thu chuyển nguồn			
5	Các khoản thu để lại để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	12.976.000.000	18.319.566.926	126%